

Bản án số: 89/2021/HC-PT

Ngày: 30/3/2021

V/v khiếu kiện các quyết định hành
chính về việc giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Thái Duy Nhiệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 398/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc “Khiếu kiện các quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2453/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Không Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn GL, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Bùi Văn P; địa chỉ: Số nhà 34, ngõ 54, PĐL, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình; địa chỉ trụ sở: Số 431, phường TĐ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Văn N - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T; có mặt tại phiên tòa;

- Ông Phạm Công C - Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T; có mặt tại phiên tòa;

- Bà Nguyễn Thu H - Chuyên viên phòng Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T; vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt;

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình; địa chỉ trụ sở: Số 71, đường Trần Phú, phường TĐ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt;

3.2. Bà Khổng Thị T, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm 7, xã TG, huyện TT, tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa;

3.3. Bà Khổng Thị H, sinh năm 1955; vắng mặt tại phiên tòa;

3.4. Bà Khổng Thị L, sinh năm 1968; vắng mặt tại phiên tòa;

Cùng địa chỉ tại: Bản N, xã PL, huyện M, tỉnh Yên Bái;

3.5. Bà Khổng Thị N, sinh năm 1962; vắng mặt tại phiên tòa;

3.6. Ông Khổng Văn Q, sinh năm 1973; vắng mặt tại phiên tòa;

3.7. Bà Khổng Thị H, sinh năm 1970; vắng mặt tại phiên tòa;

Cùng địa chỉ tại: Thôn GL, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

3.8. Anh Khổng Văn H, sinh năm 1995 (con trai ông Khổng Văn X); địa chỉ: Thôn Thỏ Bắc, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, người khởi kiện là ông Khổng Văn H trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Bố mẹ đẻ ông là cụ Không Văn B và cụ Phạm Thị V. Cụ B, cụ V sinh được 09 người con là Không Thị T, Không Thị H, Không Văn H, Không Thị H1, Không Thị N, Không Thị L, Không Văn Q, Không Thị N (bà N đã hy sinh năm 1972) và ông Không Văn X - ông X đã chết năm 2010. Hai cụ không có con nuôi, con riêng.

Theo sổ mục kê và bản đồ 299 tại thửa số 40, diện tích 275m² đất ao, thửa số 41 diện tích 192m² đất ở mang tên cụ Không Văn B. Năm 1981, ông lấy vợ được bố, mẹ cho 64m² đất làm nhà rạ để ở. Năm 1988, ông phá nhà rạ xây nhà ngói. Năm 2000, ông phá nhà ngói để xây nhà mái bằng. Khi xây nhà mái bằng, ông xây tường dịch vào 4,7 m (kể từ mép Quốc lộ 10) để làm sân và vẫn giữ lại tường nhà ngói xây từ năm 1988. Hiện nay ông và bà N, ông X, ông Q là chủ sử dụng các phần đất được tách ra từ hai thửa đất 40, 41, cụ thể: diện tích đất bố mẹ ông cho từ năm 1981 thể hiện ông sử dụng thửa số 09 diện tích 81,2m²; thửa số 10 diện tích 81,5m² chủ sử dụng là Không Tiến C con trai ông; thửa số 11 diện tích 76,4m² và thửa số 14 diện tích 80,1m² ông Q sử dụng; thửa số 15 diện tích 87,1m² bà N sử dụng; thửa số 25 diện tích 60,8m² cháu H con ông X sử dụng.

Khi thực hiện dự án đường vành đai phía Nam thành phố, ông bị thu hồi 70,6m² đất (gồm 38,6m² đất gia đình ông đang sử dụng và 32m² đất liền kề trước cửa nhà ông). Tuy nhiên UBND thành phố T đã có những sai phạm và quyết định trái pháp luật khi bồi thường không đúng tên chủ sử dụng và bồi thường thiếu diện tích đất thu hồi cụ thể:

Ngày 22/7/2016, UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình ra Thông báo thu hồi đất số 1083/TB-UBND ghi người bị thu hồi là Không Văn H. Tuy nhiên, ngày 10/8/2017, UBNDTP Thái Bình ra Quyết định số 4864/QĐ-UBND lại ghi thu hồi đất của ông Không Văn B diện tích 99m² trong khi cụ B chết năm 1981 trước khi xã Đ thực hiện 299 (năm 1984); cách thời điểm thành phố thu hồi đất là 37 năm). Ông khẳng định phần đất ông đang sử dụng có nguồn gốc của bố mẹ ông đã cho ông từ năm 1981 mặc dù ông chưa được cấp sổ đỏ nhưng ông là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất đã bị thu hồi là 38,6m² trong tổng số 99m² bị thu hồi và tại quyết định số 4866 ngày 10/8/2017 của UBND thành phố T phê duyệt phương án bồi thường đã thu hồi nhưng không đền bù cho ông 32m² vì cho rằng diện tích đất này là nương nước thủy lợi.

Ngày 06/3/2018, ông H khiếu nại Quyết định 4864 của UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3256/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại (lần đầu) không chấp nhận yêu cầu của ông.

Ngày 28/8/2018, ông có đơn khiếu nại (lần hai) đến Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình yêu cầu giải quyết.

Ngày 13/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 2567/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đã công nhận Quyết định

số 3256/QĐ-UBND của UBNDTP Thái Bình và bác bỏ 02 nội dung khiếu nại của ông, là quyết định hành chính trái pháp luật vì:

- Việc Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình không chấp nhận yêu cầu quyết định thu hồi đất phải ghi đúng tên người sử dụng đất là ông (Khổng Văn H) là trái pháp luật.

Căn cứ để ông yêu cầu quyết định thu hồi đất phải ghi đúng tên ông (Khổng Văn H):

Căn cứ 1: Chứng cứ rất quan trọng chứng minh ông đã được bố mẹ cho đất, tách thổ và từ năm 1981 đã có hộ khẩu riêng của hai vợ chồng, bố mẹ đã làm nhà ra cho để ở dù chưa công bố cho đất. Đến năm 1984, tại bản kê khai 299 của cụ Phạm Thị V (mẹ ông) kê khai có 02 hộ 10 khẩu, khi đó chị ông là bà T đã đi lấy chồng, theo đó mẹ ông đã tách hộ, tách đất cho ông (Hội), trong quá trình gia đình ông đã sử dụng 64m² đất thổ cư, có biên lai thu thuế, sổ mục thuế phi nông nghiệp, nhưng Quyết định số 2567 ngày 13/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã cố ý bỏ qua. Diện tích đất này của ông chưa được cấp sổ đỏ.

Căn cứ 2: Các bản đồ địa chính lập từ năm 2001, 2012, 2016 đều ghi chủ sử dụng đất là Khổng Văn H. UBNDTP Thái Bình dựa vào các bản đồ địa chính này để thu hồi đất của ông (Khổng Văn H) nên Thông báo thu hồi đất số 1083/TB-UBND ngày 22/7/2016 của UBNDTP Thái Bình đã ghi người bị thu hồi đất là Khổng Văn H nhưng khi ra quyết định thu hồi thì UBND thành phố T lại ghi thu của cụ Khổng Văn B là trái pháp luật.

Căn cứ 3: Ông đã nộp thuế đất ở 64m² từ năm 1981 đến nay. Đến thời điểm bị thu hồi đất là 37 năm, anh em ruột thịt không có tranh chấp, khiếu kiện.

Quyết định số 2567 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình không chấp nhận nội dung ông yêu cầu đền bù tiếp 32m² là không có căn cứ pháp luật vì:

- Cùng thời điểm bị thu hồi đất, cùng do UBND thành phố T đền bù thì các ông Nguyễn Chí Dũng, ông Hải (chủ nhà hàng 88) và một số hộ khác liền kề với ông được UBND thành phố T xác định từ tim đường 10 vào là 5 mét để đền bù còn đất của ông là đất cha ông để lại có từ hàng trăm năm nay khi thu hồi lại bị UBND thành phố T xác định từ tim đường 10 vào là 11,7m để không đền bù là trái pháp luật. Đường 10 ngày xưa mặt đường chỉ 4m mà giờ là 21,7m.

- UBND tỉnh Thái Bình viện dẫn diện tích 32m² là nương thủy lợi là bao che cho việc đền bù sai trái của UBND thành phố T vì theo ông nương thủy lợi không thể dài 6,7 m nương chỉ chảy qua cửa nhà ông mà không qua những nhà ông ghi tên trên? Và theo bản đồ dinh dưỡng đất xã Đ, ông thấy trước cửa nhà ông không có màu xanh mà chỉ có màu đỏ thể hiện là đất thổ cư, đây là chứng cứ xác định không có nương thủy lợi đi qua đất nhà ông

- Ngày 03/7/2007, UBND xã Đ đã lập “Biên bản xác nhận ông H là chủ sử dụng 64m² đất thổ cư và xác nhận đất nhà ông nằm sát đường 10 chưa được đền

bù”. Đây là căn cứ để nhà ông không bị thanh tra giao thông thu dỡ vỉa hè trong khi các hộ khác đều phải tháo dỡ.

Nay ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2567/QĐ - UBND ngày 13/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình.

- Yêu cầu UBND thành phố Thái Bình ra Quyết định thu hồi đất phải ghi đúng tên người sử dụng bị thu hồi là Không Văn H.

- Yêu cầu UBND thành phố Thái Bình phải đền bù tiếp cho ông 32m² đất giáp đường 10 vì đây là đất cha ông của ông để lại chưa được đền bù.

Ông Phạm Công C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện - Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình có ý kiến trình bày: Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thống nhất lời trình bày của ông H về quá trình giải quyết đơn khiếu nại. Đối với yêu cầu khởi kiện Quyết định số 2567 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình thì không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên nội dung Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với ông Không Văn H. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về hủy Quyết định 2567 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, bởi vì:

1. Về hình thức Quyết định thu hồi số 4864 của UBND thành phố T, Quyết định số 4688 phê duyệt phương án bồi thường, Quyết định số 3256 giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 2567 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành đúng trình tự, thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung Quyết định số 2567 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình ban hành thể hiện:

+ Về thửa đất gia đình ông H đang sử dụng theo bản đồ 299 và sổ mục kê lưu trữ tại UBND xã Đ thể hiện nằm trong thửa đất số 40 diện tích 275m² đất ao và thửa 41 diện tích 192m² đất ở tại tờ bản đồ số 1 thuộc thôn GL, xã Đ mang tên cụ Không Văn B.

Theo Bản đồ mặt bằng tuyến đường Quốc lộ 10 (đoạn qua xã Đ) đo đạc năm 2001-2002 phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án Nâng cấp Quốc lộ 10, được Giám đốc Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) xác nhận: Thửa đất số 40, 41 nêu trên được thể hiện thành 02 thửa, gồm: thửa đất số 33, tờ số 2, diện tích 424,2m², chủ sử dụng: ông Q, thửa đất số 34, tờ số 2, diện tích 165,3m², chủ sử dụng: ông H; phần diện tích trước thửa đất gia đình ông H, ông Q được thể hiện là hành lang giao thông Quốc lộ 10, các công trình nhà ở của ông H, ông Q được thể hiện trong ranh giới khuôn viên thửa đất của gia đình nên khi thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp Quốc lộ 10 (năm 2001 - 2002), UBND thành phố T không thu hồi đất của gia đình ông H, ông Q.

- Bản vẽ trích lục bản đồ địa chính số 03/2016/TLBĐĐC năm 2016 phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án Đường vành đai phía Nam thành phố: Thửa đất số 40, 41 cũ được tách ra thành 6 thửa, gồm: thửa đất số 09, diện tích 81,1m², chủ sử dụng: ông H; thửa đất số 10, diện tích 81,5m², chủ sử dụng: ông Cường (con ông H); thửa đất số 11, diện tích 76,4m², chủ sử dụng: ông Q; thửa đất số 14 diện tích 80,1m², chủ sử dụng: ông Q; thửa đất số 15, diện tích 87,1m², chủ sử dụng: bà N; thửa đất số 25, diện tích 286,9 m² (gồm: một phần tách từ thửa 40, 41, một phần từ đất nông nghiệp của gia đình được giao theo Quyết định số 652/QĐ-UBND của UBND tỉnh, một phần là đất 5% công ích do UBND xã Đ quản lý), chủ sử dụng: ông H (Con ông Khổng Văn X, cháu nội ông B), để thực hiện dự án trên Nhà nước thu hồi diện tích 99m² (trong đó diện tích 38,6m² ông H đang sử dụng) là căn cứ vào bản đồ 299 và sổ mục kê để xác định có nguồn gốc của cụ B.

Khi lập, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng UBND thành phố T ban hành Quyết định 4866 ngày 10/7/2018 bồi thường giá trị thu hồi cho cụ B. Sau đó UBND thành phố T xác định cụ B và cụ V đều chết không để lại di chúc đã ban hành Quyết định số 7237/QĐ-UBND Ngày 28/12/2017, về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4864/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố T sửa đổi, bổ sung nội dung “*Thu hồi 99,0m² đất của hộ ông Khổng Văn B, thuộc thửa đất số 9, 10, 11, 14, 15, 25, tờ bản đồ số 22, tại xã Đ, thành phố T*” thành “*Thu hồi 99m² đất của ông Khổng Văn B, bà Phạm Thị V (ông B, bà V đã chết) hiện ông H đang sử dụng diện tích 19,6m² tại thửa đất số 9; ông Cường đang sử dụng diện tích 19m² tại thửa đất số 10; ông Q đang sử dụng diện tích 36m² tại thửa đất số 11 và 14; bà N đang sử dụng diện tích 15,1m² tại thửa đất số 15; ông H đang sử dụng diện tích 9,3m² tại thửa đất số 25, đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 22 tại xã Đ, thành phố Thái Bình*”.

- Ngày 12/11/2018, UBND thành phố Thái Bình có Quyết định số 4967/QĐ- UBND điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án đường vành đai phía Nam thành phố (kèm theo Quyết định số 4866/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố); trong đó điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng từ hộ ông Khổng Văn B (số thứ tự 01, cột ghi Họ và tên đã ghi: Khổng Văn B) thành các đồng thừa kế của ông Khổng Văn B và bà Phạm Thị V vì đã xác định hai cụ có 09 người con, gồm các ông, bà: Khổng Thị N, Khổng Thị Th, Khổng Thị H, Khổng Thị N, Khổng Thị L, Khổng Thị H, Khổng Văn Q, Khổng Văn X, Khổng Văn H (bà N là Liệt sỹ, hi sinh năm 1971; ông X mất năm 2010 và chỉ bồi thường hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối, tiền thuê nhà cho ông H là đúng pháp luật.

3. Về yêu cầu đền bù diện tích 32m² đất, ông H cho rằng là đất của cha ông để lại nằm trong diện tích bố mẹ đã cho ông thì theo Sổ mục kê và bản đồ 299

tại thửa số 40 diện tích 276m² đất ao và thửa số 41 diện tích 192m² đất ở mang tên cụ Khổng Văn B. Phần diện tích 32m² đất tiếp giáp với thửa đất số 41 trước đây là đất thủy lợi và hiện trạng là đất giao thông. Ông H không cung cấp được tài liệu gì liên quan đến quyền sử dụng đất đối với nội dung này.

Như vậy, UBND thành phố T ban hành Quyết định thu hồi đất 4864 Quyết định số 4866/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 đối với diện tích 99,0m² của Ông Khổng Văn B, bà Phạm Thị V; Quyết định số 4967/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 về điều chỉnh đối tượng được bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định tại Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 88, Điều 89, Điều 91 Luật Đất đai năm 2013, Bộ Luật Dân sự năm 2015, Bộ Luật Tổ tụng Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

4. Về kết quả giải quyết khiếu nại:

- Đối với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố T tại Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T: Về trình tự, thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố T tại Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 đảm bảo đúng theo quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại.

Từ căn cứ trên, ngày 13/9/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình có Quyết định số 2567/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Khổng Văn H (lần hai); trong đó: Công nhận và giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T đối với khiếu nại của ông Khổng Văn H khiếu nại Quyết định số 4866/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố Thái Bình. Việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Khổng Văn H của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện UBND thành phố T, ông Đ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho trình bày: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quyết định số 2405/QĐ- UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình khu vực nút giao với Quốc lộ 10 và đường vành đai phía Bắc thành phố tại xã Đ. UBND Thành phố đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan tham mưu và tổ chức thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định pháp luật.

Về quá trình xem xét giải quyết đơn khiếu nại, trình tự thủ tục đảm bảo đúng quy định pháp luật.

1. Đối với yêu cầu của ông H về việc ra Quyết định thu hồi đất phải ghi đúng tên người sử dụng bị thu hồi là ông Không Văn H thì Căn cứ vào nội dung khiếu nại của ông H UBND thành phố T đã xác minh nguồn gốc đất thu hồi là đất thổ cư của cụ B và cụ V chưa làm thủ tục thừa kế theo quy định pháp luật, xác minh với những người con của hai cụ đều đề nghị phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Do đó Quyết định thu hồi đất ghi tên cụ B và cụ V là đúng quy định pháp luật.

2. Đối với yêu cầu đền bù tiếp 32m² đất giáp đường 10, theo ông H đây là đất cha ông để lại chưa được đền bù. UBND thành phố T đã xác minh, căn cứ theo Báo cáo số 04/BC-UBND ngày 17/7/2018 của UBND xã Đ kết luận diện tích 32m² theo bản đồ 299 thuộc nương thủy lợi và hiện trạng là đất giao thông. Ông Không Văn H không cung cấp được giấy tờ có liên quan để chứng minh quyền sử dụng đất theo nội dung đề nghị nêu trên. Do đó UBND thành phố T đã giữ nguyên Quyết định số 4866 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB.

Vì vậy, UBND Thành phố thống nhất với quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình tại Quyết định số 2567/QĐ - UBND ngày 13/9/2019.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chủ tịch UBND thành phố T do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Đ trình bày: Quyết định 3256 ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T ban hành là có căn cứ đúng quy định của pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của ông H.

Hàng thừa kế của cụ B và cụ V gồm các ông bà: Không Thị T, Không Thị H1, Không Thị N, Không Văn Q thống nhất trình bày: Hai cụ có 09 người con, Bà N chết năm 1972 và ông X chết năm 2010. Cụ B, cụ V chết không để lại di chúc, không tặng cho bất cứ con nào. Ông H, bà N, ông X, ông Q tự ý chia đất cho nhau. Năm 2017 cụ B và cụ V bị nhà nước thu hồi 99m² đất trong đó có 38,6m² đất ở do ông H và anh C đang sử dụng. Nay các anh chị em bà đều xác định 99m² đất bị thu hồi là của hai cụ, nhất trí về giá đất thu hồi, đề nghị chia số tiền thu hồi đất theo hàng thừa kế cho tất cả các con của cụ.

Anh Không Văn H nhất trí với lời trình bày của bà T, bà H, bà N, ông Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H có ý kiến:

Ông Không Văn H có đầy đủ chứng cứ sử dụng 64m² hợp pháp, được Nhà nước công nhận:

+ Mẹ đẻ tách thổ trong bản kê khai 299 (bản gốc do UBND xã Đ hiện lưu giữ);

+ Nhà nước lập bản đồ địa chính (2001-2002), VLAP 2012, 2016 xác nhận chủ sử dụng đất là Không Văn H;

+ Được Chủ tịch xã Đ và các hộ dân xác nhận sử dụng đất ổn định, có hộ khẩu thường trú, có biên lai nộp thuế đất ở theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

+ Có bằng chứng về việc yêu cầu đền bù tiếp 32m² vì diện tích 32m² là đất của ông H chứ không phải đất thủy lợi, đất này sát đường 10, trước cửa không có mương thủy lợi, hai lần giải phóng mặt bằng: năm 1996 giải phóng mặt bằng thực hiện NĐ 36CP, năm đó các nhà mặt đường có lấn vào hành lang giao thông đều bị tháo dỡ nhưng nhà và cây của nhà ông H vẫn giữ nguyên mà không ai phá dỡ.

Theo quy định tại Điều 79, Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì đây là các chứng cứ ông H không phải chứng minh.

Nên ông Phòng khẳng định Quyết định số 2567/QĐ - UBND ngày 13/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Không Văn H là trái pháp luật, yêu cầu hủy.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 08/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 29, điều 38,43, Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Điều 17,18, 21, 27,29,30,31,36,38,39,40 Luật khiếu nại năm 2011;

Khoản 11, khoản 12 Điều 22, khoản 3 Điều 23, Điều 204, Điều 208 Luật đất đai năm 2013;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Không Văn H về việc:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 2567/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3256/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T.

- Yêu cầu UBND thành phố Thái Bình ra Quyết định thu hồi đất phải ghi đúng tên người sử dụng bị thu hồi là Không Văn H.

- Yêu cầu UBND thành phố Thái Bình phải đền bù tiếp cho ông 32m² đất giáp đường 10.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2020, người khởi kiện là ông Không Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và ủy quyền cho ông Bùi Văn P trình bày, sau đó ông H bổ sung nội dung chính như sau:

Phần đất ông H đang sử dụng có nguồn gốc của bố mẹ ông đã cho ông từ năm 1981, mặc dù ông chưa được cấp sổ đỏ nhưng ông là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất đã bị thu hồi là 38,6m² trong tổng số 99m² bị thu hồi và tại Quyết định số 4866/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND thành phố T phê duyệt phương án bồi thường đã thu hồi lại ghi tên chủ sử dụng đất bị thu hồi là bố của ông H là không đúng vì bố mẹ ông chết đều đã trên 30 năm trong khi thời hiệu thừa kế chỉ có 30 năm; Mặt khác còn không đền bù cho ông 32m² vì diện tích 32m² là đất của ông H chứ không phải đất thủy lợi, đất này sát Đường 10, trước cửa không có nương thủy lợi, năm 1996 giải phóng mặt bằng thực hiện Nghị định 36/NĐ-CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ, năm đó các nhà mặt đường có lấn vào hành lang giao thông đều bị tháo dỡ nhưng nhà và cây của gia đình ông H vẫn giữ nguyên mà không ai phá dỡ. Đối với các hộ dân có đất bị thu hồi cùng tuyến đường này thì UBND thành phố T xác định mốc giới cách tim đường là 5m, còn xác định đất của ông H lại là 11,7 m để không đền bù phần này là làm thiệt hại cho ông H. Diện tích đất của bố, mẹ ông H nay đo thực tế tăng thêm trên 146m² nay cả 06 hộ đang sử dụng nhưng chỉ xử lý đối với mình ông H là làm thất thoát ngân sách cho Nhà nước. Do đó, đề nghị Tòa án hủy các quyết định giải quyết khiếu nại nói trên và hủy các thông báo và quyết định thu hồi đất đối với ông H để đền bù như những hộ cùng tuyến đường này. Yêu cầu UBND thành phố T ra quyết định thu hồi 38,6m² phải ghi đúng tên người đang có quyền sử dụng đất là ông Khổng Văn H và đền bù tiếp 32m² đất cho ông Khổng Văn H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Xác định quá trình thu hồi đất dựa trên kết quả xác minh nguồn gốc đất do UBND thành phố T thực hiện. Theo bản đồ 299 lập năm 1984 thì thửa đất đó đứng tên cụ B và cụ V, có xác nhận của Hội đồng đăng ký đất đai ngày 20/9/1984 và từ đó chưa có đăng ký biến động về thừa kế. Theo bản đồ 299 này thì đất của cụ B, cụ V có 02 thửa và có con nương thủy lợi chạy dọc theo hành lang đường. Vì là đất nương thủy lợi nên khi thu hồi không phải bồi thường. Do đó, giữ nguyên các quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đối tượng giải quyết trong vụ án này là Quyết định số 2567/QĐ – UBND ngày 13/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình và các Quyết định khác liên quan. Xét việc ghi tên cụ B, cụ V và sau đó có quyết định

bổ sung ghi rõ các cụ đã chết và ghi rõ tên của từng người trong gia đình đang sử dụng đất là đúng; có cả diện tích đất bị thu hồi cũng là đúng, vì đây là di sản thừa kế chưa có sự phân chia theo đúng quy định nên phải ghi rõ và đúng pháp luật.

Đối với diện tích 32m² đất gia đình ông H đang quản lý không được bồi thường là căn cứ vào bản đồ 299 năm 1984 có con mương thủy lợi. Việc năm 2001-2004 chỉ là tự kê khai; các hộ khác khi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã kê khai và xử lý đúng theo quy định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được bồi thường. Các văn bản của Chủ tịch UBND thành phố T và UBND tỉnh Thái Bình là được ban hành đúng các quy định về thủ tục và có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Không Văn H, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Không Văn H trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Không Văn H có mặt trình bày các nội dung nằm trong đơn kháng cáo nên được chấp nhận để xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Thái Bình đã xuất trình tờ bản đồ 299 lập năm 1984 có dấu sao của Sở Tài nguyên và Môi trường giống như bản đồ do ông H xuất trình, đã được đối chiếu công khai; ông H xác nhận là đúng nên được coi là chứng cứ, tài liệu này phù hợp với tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của ông Không Văn H:

[2.1] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận thấy về hình thức, trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

Thực hiện Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình khu vực nút giao với Quốc lộ 10 và đường vành đai phía Bắc thành phố tại xã Đ. UBND thành phố T đã

kiểm tra, cùng các cơ quan ban ngành rà soát các loại đất bị thu hồi để ra thông báo thu hồi đất sau đó trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã ban hành các quyết định: Quyết định thu hồi đất 4864/QĐ-UBND ngày 10/8/2017; Quyết định số 4866/QĐ-UBND ngày 10/8/2017; Quyết định số 4967/QĐ-UBND ngày 12/11/2018; Quyết định số 7237/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND thành phố T. Đây là những quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai quy định tại khoản 11, khoản 12 Điều 22, Điều 23, Điều 208 của Luật Đất đai năm 2013. Ông H đã khiếu nại nên đã được Chủ tịch UBND thành phố T tiến hành thụ lý. Xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại (thể hiện dưới hình thức là biên bản làm việc) về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với khiếu nại của ông H là đúng quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương; các điều 17, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Ông H tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Thái Bình, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình đã tiến hành thụ lý, xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại, sau đó ban hành Quyết định về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) số 2567/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 là đúng quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương; các điều 18, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011. Hội đồng xét xử thấy về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện là hợp pháp.

[2.2] Xét nguồn gốc toàn bộ diện tích đất liên quan đến diện tích đất hiện ông H đang quản lý, sử dụng và bị thu hồi liên quan đến nội dung của các Quyết định hành chính bị khiếu kiện:

- Xét nguồn gốc thửa đất số 9, 10, 11, 14, 15, 25 tờ bản đồ địa chính số 22 tại xã Đ, thành phố T có nguồn gốc của cụ Khổng Văn B và cụ Phạm Thị V là chủ sử dụng theo tờ bản đồ 299 là hai thửa 40, 41 có diện tích là 192m² đất ở và 275m² đất ao.

- Xét việc ông H trình bày sau khi cụ B chết năm 1981, cụ V cho ông diện tích 64m² đất ở nên ông đã làm ngay nhà mái rạ, sau đó ông phá nhà mái rạ, còn để lại tường gạch cũ để ông xây nhà mái bằng, ông có hộ khẩu riêng từ năm 1984, ông đã nộp thuế sử dụng diện tích 64m² từ năm 1984 đến nay, đất không có tranh chấp, trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của cụ V thể hiện thời điểm năm 1984 cụ V đã kê 02 hộ, 10 khẩu nên coi như là ông đã được cụ V cho đất nhưng ông H không xuất trình được văn bản tặng cho đất của cụ V.

Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của cụ V cũng không có phần diện tích đất 64m² ghi tên ông H mà chỉ ghi 2 hộ và 10 khẩu và ghi diện tích đất thổ (T) là 192m². Ngoài ra các hàng thừa kế của hai cụ là bà N, bà T, bà H1, bà H, ông Q đều thống nhất hai cụ chết không để lại di chúc, không tặng cho riêng con nào, sau khi những anh chị em đi lấy chồng những người còn lại tự ý chia

đất với nhau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông H đã ở trên đất này cùng hai cụ cũng như các hàng thừa kế khác trên thửa đất 40,41 của hai cụ chứ chưa có việc tặng cho hay các thừa kế thực hiện việc chia di sản theo đúng quy định của pháp luật về thừa kế tài sản đối với quyền sử dụng đất.

[2.3] Xét yêu cầu của ông H về việc không bồi thường cho ông 32m² đất giáp đường Quốc lộ 10 khi Nhà nước thu hồi: Theo ông diện tích đất này là diện tích đất ông cha ông để lại năm 1989, Nhà nước giải tỏa hành lang giao thông đã xác định gia đình ông không lấn chiếm, do vậy không phải giải tỏa, cách tính từ tim đường Quốc lộ 10 vào đối với những hộ khác thì tính là 5m, hộ ông tính là 11,7m nên không bồi thường diện tích 32m² với lý do đất nương thủy lợi và ông giao nộp bản đồ thổ dưỡng đất xã Đ cho Tòa án, ông thấy trên bản đồ này không có nương thủy lợi đi qua phần đất gia đình ông, việc xác định không có nương thủy lợi đi qua còn có chữ ký của những người cao tuổi đã sống cùng thời với ông. Hội đồng xét xử thấy bản đồ địa chính 299 và sổ mục kê là loại giấy tờ đất được Nhà nước xác lập đầu tiên để quản lý đất đai đã thể hiện là đất thủy lợi, sự biến động đất qua các thời kỳ khảo sát đo đạc lại diện tích thửa đất 40,41 nay là các thửa 9,10,11,15,25 đều không thay đổi, các hàng thừa kế của hai cụ là bà T, bà N, bà H, ông Q đều xác định có nương thủy lợi nhưng đã bị đôn lấp. Tại phiên tòa phúc thẩm đã công khai đối chiếu và làm rõ về con nương thủy lợi thể hiện trên bản đồ 299.

Như vậy, với các tài liệu, chứng cứ đã viện dẫn ở trên có đủ cơ sở xác định lời trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình, Chủ tịch UBND thành phố T xác định: *“Thu hồi 99m² đất của ông Khổng Văn B, bà Phạm Thị V (ông B, bà V đã chết) hiện ông H đang sử dụng diện tích 19,6 m² tại thửa đất số 9; ông Cường đang sử dụng diện tích 19m² tại thửa đất số 10; ông Q đang sử dụng diện tích 36m² tại thửa đất số 11 và 14; bà N đang sử dụng diện tích 15,1m² tại thửa đất số 15; ông H đang sử dụng diện tích 9,3m² tại thửa đất số 25, đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 22 tại xã Đ, thành phố Thái Bình”* trong đó đối tượng được bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là các đồng thừa kế của ông Khổng Văn B và bà Phạm Thị V vì đã xác định hai cụ có 09 người con, gồm các ông, bà: Khổng Thị N, Khổng Thị Th, Khổng Thị H, Khổng Thị N, Khổng Thị L, Khổng Thị H, Khổng Văn Q, Khổng Văn X, Khổng Văn H (bà N là Liệt sỹ, hi sinh năm 1971; ông X mất năm 2010) là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc ông Khổng Văn H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2567/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3256/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Nay ông Khổng

Văn H kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H thừa nhận đã được UBND tỉnh Thái Bình cho đối chiếu lại các tài liệu mà ông H đã nộp trước đây và tại phiên tòa này ông H cũng không giải trình làm rõ được thêm về yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Không Văn H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Ông Không Văn H kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, tuy nhiên ông Không Văn H sinh năm 1956, là người cao tuổi nên ông H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Không Văn H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

2. Án phí: Ông Không Văn H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009283 ngày 26/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đông